



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh An Giang*

Số 32

Ngày 17 tháng 08 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

04/07/2023	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc	3
------------	--	---

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

31/07/2023	Quyết định số 1249/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang	10
04/08/2023	Quyết định số 1274/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ	13
04/08/2023	Quyết định số 1277/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang	16

04/08/2023	Quyết định số 1278/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư	19
09/08/2023	Quyết định số 1293/QĐ-UBND Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang	23
15/08/2023	Quyết định số 1311/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang	26

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2023/QĐ-UBND

Châu Đốc, ngày 04 tháng 7 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thành phố tại Tờ trình số 71/TTr-PVHTT ngày 15/5/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và thay thế Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng phòng Nội vụ thành phố, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trần Quốc Tuấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Châu Đốc

(Kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc)

## Chương I

### VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

#### Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn thành phố; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

#### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

##### 1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố: Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo, thông tin và truyền thông trung hạn và hàng năm; đề án, chương trình phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo, thông tin và truyền thông; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo các văn bản về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo phân công.

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo, thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

đ) Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính; tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn thành phố thực hiện phong trào văn hóa, văn nghệ; phong trào luyện tập thể dục, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng và hướng dẫn xét tặng danh hiệu gia đình, khóm, ấp văn hóa, đơn vị văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; bảo vệ và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể; quản lý, bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý và phát huy giá trị tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về lễ hội, kinh doanh dịch vụ karaoke, kinh doanh dịch vụ vũ trường, hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp nhận và có văn bản trả lời đối với thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện của thư viện cấp xã, thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng có trụ sở trên địa bàn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, các cơ sở hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo, điểm vui chơi công cộng thuộc phạm vi quản lý của Phòng Văn hóa và Thông tin trên địa bàn.

đ) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo đối với các chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo trên địa bàn thành phố; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

f) Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin.

g) Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể lĩnh vực Thông tin và Truyền thông

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận thuộc các lĩnh vực về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tổ chức công tác bảo vệ an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, Internet, phát thanh.

c) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng và tổ chức quản lý hệ thống thông tin cơ sở và truyền thanh - truyền hình thành phố; tổ chức cung cấp thông tin; quản lý nội dung thông tin cơ sở.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các phường, xã theo dõi và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Tổ chức hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

e) Tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các phường, xã quản lý các điểm phục vụ bưu chính, điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, điểm photocopy trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

f) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực Thông tin và Truyền thông cho cán bộ, công chức phường, xã.

g) Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

i) Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông.

## **Chương II** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Phòng Văn hóa và Thông tin có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn.

2. Trưởng phòng là Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố do Hội đồng nhân dân thành phố bầu, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc quyết định theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Trưởng phòng**

1. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

3. Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và



Ủy ban nhân dân thành phố khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

### **Điều 5. Biên chế công chức**

1. Biên chế công chức của Phòng Văn hóa và Thông tin do Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc quyết định trong tổng biên chế công chức của thành phố do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Văn hóa và Thông tin phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

3. Công chức chuyên môn được tuyển dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

## **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, xây dựng Quy chế làm việc nội bộ, mối quan hệ công tác với các phòng, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc.

**Điều 7.** Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có các vấn đề phát sinh, vướng mắc hoặc có những quy định pháp luật mới cần sửa đổi, bổ sung Quy định này thì Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

Số: 1249/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2825/TTr-SXD ngày 26 tháng 7 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục sung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Thủ tục hành chính này thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.007762.000.00.00.H01	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1, Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn	<p>- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.</p> <p>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng</p>	Nhà ở	Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng thẩm định giá của địa phương được UBND cấp tỉnh giao thực hiện việc thẩm định

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BKHHCN ngày 25/7/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tại Tờ trình số 1090/TTr-SKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ thủ tục tại số thứ tự 12, mục 2 phần của Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Về việc công bố

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục tại số thứ tự 38, mục 6, Phụ lục 1 của Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục tại số thứ tự 25 mục 3, Phần I thuộc Phụ lục của Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục tại số thứ tự 502, mục 6, Phụ lục 1 của Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

---

<b>Stt</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	2.001248.000.00.00.H01	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

Số: 1277/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-BTP ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 122/TTr-STP ngày 01 tháng 8 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 3 Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.



- Sửa đổi thủ tục hành chính số 113 mục 14 Phụ lục I Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Bình**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

<b>Stt</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính được thay thế</b>	<b>Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	2.000587.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang tại Tờ trình số 104/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 08 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5 Mục B Phần II danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 71, 72, 73, 74, 75 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thứ tự số 15 Phần B, Phụ lục I và thủ tục hành chính thứ tự số 31, 32, 33, 34 Phần B, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thanh Bình**

## DANH MỤC

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH AN GIANG (Ban hành kèm theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.001612.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14);	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện
2	2.000720.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP);		
3	1.001570.000.00.00.H01	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC);		
4	1.001266.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh			

			<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);</li><li>- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT).</li></ul>		
--	--	--	--	--	--

Số: 1293/QĐ-UBND

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3020/TTr-SGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang, như sau:

#### 1. Khung thời gian

a) Các mốc thời gian cụ thể:

Nội dung	Mầm non	Tiểu học	THCS và THPT Hệ GDPT và GDTX
Tuần lễ tựu trường	Thứ Hai Ngày 28/8/2023	Thứ Hai Ngày 28/8/2023 ( <i>Riêng lớp 1 tựu trường ngày 21/8/2023</i> )	Thứ Hai Ngày 28/8/2023
Khai giảng	Thứ Ba Ngày 05/9/2023	Thứ Ba Ngày 05/9/2023	Thứ Ba Ngày 05/9/2023
Bắt đầu học kỳ I (thực học)	Thứ Ba Ngày 05/9/2023	Thứ Ba Ngày 05/9/2023	Thứ Ba Ngày 05/9/2023

Kết thúc học kỳ I	Thứ Sáu Ngày 05/01/2024	Thứ Sáu Ngày 05/01/2024	Thứ Bảy Ngày 06/01/2024
Bắt đầu học kỳ II	Thứ Hai Ngày 08/01/2024	Thứ Hai Ngày 08/01/2024	Thứ Hai Ngày 08/01/2024
Kết thúc học kỳ II	Thứ Sáu Ngày 17/5/2024	Thứ Sáu Ngày 17/5/2024	Thứ Bảy Ngày 18/5/2024
Tổng kết năm học	Trước ngày 31/5/2024	Trước ngày 31/5/2024	Trước ngày 31/5/2024

*b) Các lưu ý trong quá trình triển khai thực hiện:*

- Kế hoạch thời gian đảm bảo số tuần thực học:

+ Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có 35 tuần (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần).

+ Đối với giáo dục thường xuyên: có 32 tuần cho lớp 9 và lớp 12 (mỗi học kỳ có 16 tuần); có 35 tuần cho lớp 6, lớp 7, lớp 8 và lớp 10, lớp 11 (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần).

- Các trường có đông học sinh người dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên, các Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú được bố trí thời gian nghỉ các ngày Lễ Sen Đôn-ta, Chôl-Chnăm-Thmây.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận tốt nghiệp THCS trước ngày 30/6/2024.

- Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2024.

- Thi học sinh giỏi cấp quốc gia THPT, thi tốt nghiệp THPT, thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, năm học 2023-2024: Theo lịch thi của Bộ GDĐT quy định.

## **2. Các ngày nghỉ lễ trong năm học**

a) Lễ Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Nghỉ 02 ngày (01 - 02/9/2023, nhằm thứ Sáu và thứ Bảy, sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).

b) Tết Dương lịch: Ngày 01 tháng 01 năm 2024 (nhằm ngày thứ Hai, sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).

c) Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 (sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).

d) Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch, nhằm thứ Năm, ngày 18/4/2024); Lễ Kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (nhằm thứ Ba, ngày 30/4/2024) và Ngày Quốc tế Lao động (nhằm thứ Tư, ngày 01/5/2024, sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).



**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Căn cứ tình hình thực tế của từng cấp học, chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp. Quyết định cho học sinh nghỉ học trong trường hợp thời tiết quá khắc nghiệt, thiên tai và bố trí học bù; đảm bảo thời gian nghỉ của giáo viên trong năm học (thời gian nghỉ phép năm của giáo viên được thực hiện trong hè hoặc bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm để phù hợp với đặc điểm cụ thể của đơn vị địa phương).

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Hướng dẫn nhiệm vụ cụ thể năm học 2023-2024 cho từng cấp học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chuẩn bị năm học mới và tình hình tổ chức Lễ khai giảng năm học 2023-2024 trước ngày 10 tháng 9 năm 2023; báo cáo sơ kết học kỳ I trước ngày 31 tháng 01 năm 2024; báo cáo tổng kết năm học trước ngày 25 tháng 6 năm 2024.

- Trong thời gian tựu trường, yêu cầu thủ trưởng các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch, tránh trường hợp tập trung học sinh nhưng không có nội dung cụ thể. Tổ chức tuyên truyền, thông báo Quyết định này đến cha mẹ học sinh biết để chuẩn bị cho con em trong năm học mới.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện đối với cấp học mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn phù hợp với các nội dung Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 1311/QĐ-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng và lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại Tờ trình số 3009/TTr-SXD ngày 09 tháng 8 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở và công sở; lĩnh vực thí nghiệm; lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế Quy trình nội bộ tại khoản 12, 13, 14 mục IV ban hành kèm theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 17 tháng 2 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Thay thế Quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Phước**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG  
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, LĨNH VỰC  
NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)**

<b>SỞ XÂY DỰNG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>		Mã TTHC:	1.011705.H01
	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)		Tháng BH	8/2023

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
Theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1	Điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện	Lần 1	06/7/2023

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về sự tuân thủ các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng; về chất lượng xây dựng; về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

**2. PHẠM VI**

Quy trình này áp dụng cho hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

**4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý:</b> - TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc ISO/IEC 17025:2005 - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng.		
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan.	X	X

	5.3.3. Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.	X	X	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 20 ngày.			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> Không có.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> Đối với Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động) đối với tổ chức khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (160 giờ).			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HHC	08 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	- Đánh giá thực tế năng lực. - Kiểm tra, xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	.....
	- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	

<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

**6. BIỂU MẪU**

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06/7/2023 của Bộ Xây dựng.

**7. HỒ SƠ LƯU**

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
2	Quyết định bổ nhiệm Trưởng/phó phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu ..... năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số..... ngày,  
tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....
3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

(*Ghi chú:* Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).

**ĐẠI DIỆN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)



**2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)**

<b>SỞ XÂY DỰNG</b>	<b>QUY TRÌNH</b> Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Mã TTHC:	1.011708.H01
		Tháng BH	8/2023

### MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
Theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1	Điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện	Lần 1	06/7/2023

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về sự tuân thủ các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng; về chất lượng xây dựng; về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

**2. PHẠM VI**

Quy trình này áp dụng cho hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

**4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý:</b> - Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ. - Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng.		
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	X	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

	Không quá 05 ngày (40 giờ làm việc).			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> Không có.			
<b>5.8</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b>                  Đối với Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) đối với tổ chức khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (40 giờ).</p>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	20 giờ	.....
	- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	04 giờ	.....

<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06/7/2023 của Bộ Xây dựng.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đăng ký lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
2	Quyết định bổ nhiệm Trưởng/phó phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu ..... năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số..... ngày,  
tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Mã số thuế:.....

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

*(Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).*

**ĐẠI DIỆN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**3. Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp).**

SỞ XÂY DỰNG	QUY TRÌNH Thủ tục Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp).	Mã THC:	1.011710.H01
		Ngày BH	8/2023

### MỤC LỤC

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1	Điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện	Lần 1	06/7/2023

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về sự tuân thủ các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng; về chất lượng xây dựng; về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

**2. PHẠM VI**

Quy trình này áp dụng cho hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

**4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý:</b> - Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ. - Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng.		
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	X	
	- Các hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi.	X	X
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 05 ngày (40 giờ làm việc)..		
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		

5.7	<b>Lệ phí:</b> Không có.			
5.8	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b></p> <p>Đối với Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp) đối với tổ chức khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (40 giờ).</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	20 giờ	.....
	- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	04 giờ	.....



<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và chuyên kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

**6. BIỂU MẪU**

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06/7/2023 của Bộ Xây dựng.

**7. HỒ SƠ LƯU**

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
2	Quyết định bổ nhiệm Trưởng/phó phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu ..... năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số..... ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....  
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại:.....
3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...
4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: .....
5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:  
a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>
(1)	(2)	(3)	(4)

- b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm  
- Địa chỉ cũ:  
- Địa chỉ đề nghị thay đổi:
- c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
- Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:  
- Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:

*(Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).*

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**4. Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)**

SỞ XÂY DỰNG	QUY TRÌNH  Thủ tục Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Mã TTHC:	1.011711.H01
		Tháng BH	8/2023

### MỤC LỤC

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP. Giám định xây dựng	TP. Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 06/7/2023 của BXD	Các nội dung ở Dự thảo lần 1	Điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện	Lần 1	06/7/2023

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này được thiết lập nhằm giải quyết các vấn đề về sự tuân thủ các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng; về chất lượng xây dựng; về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.

## 2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong hoạt động xây dựng. Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<b>Cơ sở pháp lý:</b> - TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc ISO/IEC 17025:2005 - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng.		
5.2	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Danh sách cán bộ quản lý trực tiếp (trưởng/phó phòng thí nghiệm), thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan.	X	X
	5.3.3. Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.	X	X
5.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.		
5.5	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 20 ngày (160 giờ làm việc).		

<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> Không có.			
<b>5.8</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b>                  Đối với Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) đối với tổ chức khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (160 giờ).</p>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HHC	08 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thực tế năng lực.</li> <li>- Kiểm tra, xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	.....
	- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	.....

<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 705/2023/NĐ-CP ngày 06/7/2023 của Bộ Xây dựng.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
2	Quyết định bổ nhiệm Trưởng/phó phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu ..... năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số..... ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Mã số thuế:.....

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...

4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: .....

5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:

a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)

b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm

- Địa chỉ cũ:

- Địa chỉ đề nghị thay đổi:

c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:

- Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:

*(Ghi chú:* Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).

**ĐẠI DIỆN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**5. Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1, Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn**

<b>SỐ XÂY DỰNG</b>	<b>QUY TRÌNH</b> Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1, Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn	Mã TTHC:	1.007762.00 0.00.00.H01
		Tháng BH	8/2023

**MỤC LỤC**

## SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Tăng Hoa Thiên	Lê Minh Diệt	Phan Duy Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên Viên	Phó Trưởng phòng	Phó Giám đốc

## SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn theo quy định hiện hành.

## 2. PHẠM VI

*Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Nhà ở và công sở*

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTBD&S & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;</li> <li>- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/20210 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;</li> <li>- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Trình tự thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ (bản sao có chứng thực) đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đề nghị tổ chức thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do mình đầu tư xây dựng.</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng thẩm định giá của địa phương thực hiện việc thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư đề nghị.</li> <li>- Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng thẩm định giá tổ chức thẩm định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả và thời hạn thực hiện thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành xong việc xây dựng nhà ở xã hội và đã được kiểm toán về chi phí của dự án theo quy định thì Sở Xây dựng có thể căn cứ vào báo cáo kiểm toán để thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án.</li> </ul>

	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định giá của chủ đầu tư, cơ quan được giao thẩm định giá có trách nhiệm tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư, trong đó nêu rõ các nội dung đồng ý và nội dung cần chỉnh sửa (nếu có).</p> <p>- Căn cứ văn bản thông báo kết quả thẩm định, chủ đầu tư ban hành giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án trên nguyên tắc không được cao hơn giá đã được thẩm định.</p>		
	<b>Lệ phí:</b> Không có.		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao chứng thực</b>
	Đơn đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	X	X
	Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư (bao gồm: Căn cứ pháp lý của Dự án; tổng quan về dự án)	X	X
	Phương án xác định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư xây dựng	X	X
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 30 ngày làm việc (30 ngày x 8 giờ = 240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> Không		
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b>		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	196 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng trình phê duyệt.</li> </ul>	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	08 giờ	.....
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng Sở</li> <li>- Ký số và chuyển HS, văn bản đến TTPVHCC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

**6. BIỂU MẪU**

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>
1	Phụ lục 01	Đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

**7. HỒ SƠ LƯU**

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

<b>TT</b>	<b>Tài liệu trong hồ sơ</b>
1	Văn bản thông báo kết quả thẩm định.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan (nếu có)
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBĐS & HTKT, thời gian lưu ..... năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**PHỤ LỤC 01****Mẫu văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội***(Ban hành tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)***TÊN BÊN ĐỀ NGHỊ  
THẨM ĐỊNH GIÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

Số: ....

<sup>1</sup> ....., ngày... tháng ... năm ...V/v đề nghị thẩm định giá bán,  
giá cho thuê, giá thuê mua  
NOXHKính gửi<sup>2</sup>: .....

Thực hiện quy định tại Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý và phát triển nhà ở xã hội,<sup>3</sup>..... đã lập phương án về giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội tại dự án (có phương án giá kèm theo).

Kính đề nghị<sup>2</sup>..... xem xét, thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội tại dự án..... theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**THỦ TRƯỞNG  
BÊN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*<sup>1</sup> Tên địa phương nơi có dự án.<sup>2</sup> Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng thẩm định giá của địa phương.<sup>3</sup> Tên bên đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội.

**6. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương**

<b>SỞ XÂY DỰNG</b>	<b>QUY TRÌNH</b> Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Mã THC:	1.009794.000.000.H01
		Tháng BH	8/2023

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CÀN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	PTP.Giám định xây dựng	PGĐ. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần 1		Lần 3	.../8/2023

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

**2. PHẠM VI**

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

**3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

**4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.</li> <li>- Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng</li> </ul>						
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>						
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).						
<b>5.3</b>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th data-bbox="228 1585 1123 1709" style="width: 70%;"><b>Thành phần hồ sơ</b></th> <th data-bbox="1123 1585 1267 1709" style="width: 10%;"><b>Bản chính</b></th> <th data-bbox="1267 1585 1509 1709" style="width: 20%;"><b>Bản sao</b></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="228 1709 1123 1912"> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.</li> <li>- Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình.</li> </ul> </td> <td data-bbox="1123 1709 1267 1912" style="text-align: center; vertical-align: middle;">Bản chính</td> <td data-bbox="1267 1709 1509 1912"></td> </tr> </tbody> </table>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.</li> <li>- Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình.</li> </ul>	Bản chính	
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.</li> <li>- Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình.</li> </ul>	Bản chính						
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.						



<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b> Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> Không có.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> Đối với Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng 20 ngày (160 giờ).			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TT PV HHC	08 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	.....
	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	00 giờ	.....

**6. BIỂU MẪU**

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>
1	Mẫu số 01	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
2	Mẫu số 02	Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình theo mẫu Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
3	Mẫu số 03	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

**7. HỒ SƠ LƯU**

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

<b>TT</b>	<b>Tài liệu trong hồ sơ</b>
1	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.
2	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ lưu trữ tối thiểu 10 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm A, 07 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm B và 05 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm C kể từ khi đưa hạng mục công trình, công trình vào sử dụng. Năm đầu tiên hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Văn phòng Sở (Phòng Hành chính tổng hợp) lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Mẫu số 01**

(Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

.....(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO**  
**HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,**  
**CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: .....(2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng ....(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng: .....
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp: .....
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị ....(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

**Ghi chú:**

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

**Mẫu số 02**

(Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình theo mẫu Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

**DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH****I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG**

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

**II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

### III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
  - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
  - b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
  - c) An toàn môi trường;
  - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
  - đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
  - e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
  - g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
  - h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).
15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).

---

16. Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

*Ghi chú:*

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

**Mẫu số 03**

(Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

.....(1).....

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC**  
**CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: .....(2).....

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng (4);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số.....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số ... ngày ...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số .... ngày ... (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy số (nếu có);

Căn cứ văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày.....,

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu của.....(2)..... để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: ....(3)....

b) Địa điểm xây dựng: .....

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)



**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu.

(4) Trường hợp miễn giấy phép xây dựng: ghi căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật.

---

---

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên –  
AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : [congbao@angiang.gov.vn](mailto:congbao@angiang.gov.vn)

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>